

Số: 940 /QĐ-UBND

Quài Tỏ, ngày 12 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện công tác: Lập hồ sơ cắm mốc và quản lý mốc theo quy hoạch chung xã Quài Tỏ, tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUÀI TỎ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2023/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Văn bản số 4031/SXD-QHPTĐT ngày 20/7/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Điện Biên về việc lập hồ sơ cắm mốc theo quy hoạch chung xã, phường đã được phê duyệt;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã Quài Tỏ về việc giao nhiệm vụ thực hiện công tác: Lập hồ sơ cắm mốc và quản lý mốc theo quy hoạch chung xã Quài Tỏ, tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại tờ trình số 109/TTr-KT ngày 09/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí công tác: Lập hồ sơ cắm mốc và quản lý mốc theo quy hoạch chung xã Quài Tỏ, tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Lập hồ sơ cắm mốc và quản lý mốc theo quy hoạch chung xã Quài Tở, tỉnh Điện Biên.

2. Cơ quan quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Quài Tở.

3. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Quài Tở.

4. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn xã Quài Tở.

5. Thời gian thực hiện: Năm 2026.

6. Tổng dự toán là: **99.931.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi chín triệu, chín trăm ba mươi một nghìn đồng).

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

8. Phương thức thực hiện: Theo quy định hiện hành.

Điều 2: Phòng Kinh tế xã Quài Tở có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nhữ Duy Đông

DỰ TOÁN KINH PHÍ CÔNG TÁC:
LẬP HỒ SƠ CẨM MỐC VÀ QUẢN LÝ MỐC THEO QUY HOẠCH CHUNG XÃ QUÀI TỎ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
(Kèm theo Quyết định số 940 /QĐ-UBND ngày 12/10/2026 của Ủy ban nhân dân xã Quài Tỏ)

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính							Giá trị (đồng)	Ký hiệu
[1]	[2]	[3]							[4]	[5]
I	Chi phí Lập hồ sơ cẩm mốc và quản lý mốc quy hoạch								99.930.600	
1	Chi phí chuyên gia:	Người	Ngày	Diễn giải chi phí					55.000.000	Ccg
1	Chủ trì nhiệm vụ	1	10	10	Ngày	x	1.730.769	đồng	17.307.692	
2	Chuyên gia phụ trách ngoại nghiệp	1	4	4	Ngày	x	1.538.462	đồng	6.153.846	
3	Chuyên gia phụ trách nội nghiệp	1	10	10	Ngày	x	1.538.462	đồng	15.384.615	
4	Chuyên gia, kỹ sư khác	3	7	21	Ngày	x	769.231	đồng	16.153.846	
2	Chi phí quản lý:	Cql = 45% x Ccg							24.750.000	Cql
3	Chi phí khác:								7.993.333	Ck
3.1	Chi phí vật liệu:								6.060.000	
1	Văn phòng phẩm các loại, dụng cụ chuyên ngành	Trộn gói							1.000.000	
2	Phô tô, in ấn hồ sơ, tài liệu								5.060.000	
2.1	In HS phục vụ báo cáo thông qua UBND xã			1	cuộc	x	1.960.000	đồng	1.960.000	
	Trong đó chi phí in ấn cho 01 cuộc họp								1.960.000	
	In bản vẽ A0			1	bộ	x	160.000	đồng	160.000	
	In thuyết minh			12	bộ	x	150.000	đồng	1.800.000	
2.2	In HS phục vụ thẩm định tại Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan			1	Lần	x	930.000	đồng	930.000	
	Trong đó chi phí in ấn cho 01 lần thẩm định								930.000	
	In bản vẽ A0			3	bộ	x	160.000	đồng	480.000	
	In thuyết minh			3	bộ	x	150.000	đồng	450.000	
2.3	In HS sau phê duyệt (7 bộ nộp cuối)								2.170.000	
	In bản vẽ A0			7	bộ	x	160.000	đồng	1.120.000	

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính						Giá trị (đồng)	Ký hiệu
	In thuyết minh			7	bộ	x	150.000	đồng	1.050.000
3.2	Chi phí máy, thiết bị	Số lượng		Thời gian	Nguyên giá	Đơn giá trích KH (nguyên giá/60 tháng)		1.933.333	
1	Bộ máy chủ lưu trữ và hệ thống	1	bộ	1	30.000.000	500.000	đồng	500.000	
2	Máy tính cá nhân dành cho thiết kế và văn phòng	1	bộ	1	10.000.000	166.667	đồng	166.667	
3	Máy tính xách tay	6	bộ	1	12.000.000	200.000	đồng	1.200.000	
4	Máy chiếu	0	bộ	1	20.000.000	333.333	đồng	-	
5	Máy in Laser đen trắng khổ A4	1	chiếc	1	4.000.000	66.667	đồng	66.667	
6	Máy ảnh chuyên nghiệp	0	bộ	1	10.000.000	166.667	đồng	-	
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	TN = (Ccg + Cql) x 6%						4.785.000	TN
5	Thuế VAT (8%)	T = (Ccg + Cql + Ck + TN) x 8%						7.402.267	T
	Tổng giá trị (làm tròn)							99.931.000	